

Số: **172** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế khối huyện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ đợt IV năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của UBND các huyện: Trà Bồng tại Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 20/01/2021, Sơn Tây tại Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 31/12/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 207/STC-NS ngày 26/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế khối huyện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ đợt IV năm 2020 từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương của huyện với tổng kinh phí là: 438,438 triệu đồng. (Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu cải cách tiền lương, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

2. UBND các huyện: Trà Bồng, Sơn Tây chịu trách nhiệm:

a) Sử dụng nguồn cải cách tiền lương của huyện để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tổng hợp kinh phí chi trả vào nhu cầu cải cách tiền lương của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Trà Bồng, Sơn Tây và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(PT), NC, CBTH;
- Lưu: VT,KTiền44.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

PHỤ LỤC 01

ĐANH SÁCH TÍNH GIÁN BIÊN CHẾ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT IV NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Đơn vị	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí chi trả (1.000 đồng)		
		Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)
TỔNG CỘNG		438.438	438.438	0	438.438	0	438.438
1	Huyện Trà Bồng	275.689	275.689	0	275.689	0	275.689
2	Huyện Sơn Tây	162.749	162.749	0	162.749	0	162.749

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH TÍNH GIÁN GIẢN CHẾ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT IV NĂM 2020
(Kính báo Quý vị tham số 172/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1.000đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí chi trả (1.000 đồng)		
										Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thời việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(15)+(16)	(15)	(16)
TỔNG CỘNG															
I	Huyện Trà Bồng									438.438	438.438	0	438.438	0	438.438
	UBND xã Trà Tây									275.689	275.689	0	275.689	0	275.689
1	Hồ Quí Mân	25/12/1964	Chưa qua đào tạo	Nguyễn Bí thư Đảng ủy xã	6.198	5.139	26 năm 10 tháng	01/7/2020	55 tuổi 6 tháng	110.494	110.494		110.494		110.494
	UBND xã Hương Trà														
2	Hồ Văn Phát	10/10/1964	Trung cấp	Nguyễn Phó Bí thư Đảng ủy xã	6.124	5.136	25 năm 5 tháng	01/7/2020	55 tuổi 8 tháng	106.562	106.562		106.562		106.562
3	Hồ Xuân Quảng	11/01/1964	Trung cấp	Nguyễn CT UBND TT QVN xã	3.665	3.169	25 năm 02 tháng	01/4/2020	56 tuổi 02 tháng	58.633	58.633		58.633		58.633

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1.000đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tính gian biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gian biên chế	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí chi trả (1.000 đồng)		
										Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thời việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(15)+(16)	(15)	(16)
II	Huyện Sơn Tây									162.749	162.749		162.749	0	162.749
<i>Trung tâm Truyền thông - Văn hóa thể thao huyện</i>															
4	Hà Văn Hội	12/10/1965	Chưa qua đào tạo	Viên chức	6.258	5.812	37 năm 9 tháng	01/12/2020	55 năm 5 tháng	162.749	162.749		162.749		162.749